

Bản án số: 340/2020/HS-ST
Ngày: 29 - 12 -2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Đức Minh

Bà Đặng Thị Nhắc

- *Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hà* - Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Lê Đăng Hùng* - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 341/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2020/QĐXXST-HS ngày 30 /11/2020 đối với bị cáo:

ĐẶNG VĂN C, sinh năm 1990. HKTT: Đ, T, Thái Bình; Nơi ở: Phòng H - khu đô thị mới D- Yên nghĩa- Hà Đông- Hà Nội; nghề nghiệp: Tự Do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T và bà Trần Thị L; Vợ: Hà Thị Lan Anh; có 01 con SN 2019; tiền án, tiền sự: Theo Danh chỉ bản số 276 ngày 01/4/2020 bị cáo không có tiền án, tiền sự. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa).

*** Nguyên đơn dân sự: Ngân hàng TMCP V**

Trụ sở: Số B L, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D, Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thanh H, chuyên viên Phòng Điều tra và phòng chống gian lận, V. *(Vắng mặt tại phiên tòa)*

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Bùi Thị Thu Th, Trú tại: N, T, Gia Lâm, Hà Nội.
2. Chị H4 Thị H1, Trú tại: Tổ G phường B, quận Long Biên, Hà Nội.
3. Anh Đỗ Công C, Trú tại: P, thị trấn K, Khoái Châu, Hưng Yên.

4. Chị Nguyễn Thị Sáu H , Trú tại: Số N, phường Đ, quận Long Biên, Hà Nội
5. Chị Bùi Thị Phương L , Trú tại: Tổ G phường N, quận Long Biên, Hà Nội.
6. Anh Phạm Ngọc H , Trú tại: Ngõ T phố B, phường N, quận Long Biên, HN.
7. Chị Nguyễn Thị Th, Trú tại: Ngõ H phố D, phường N, quận Long Biên, HN.
8. Chị Nguyễn Thị Thìn, trú tại: Tổ 18, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Hà Nội.
9. Chị Nguyễn Thị H4 , trú tại: Tổ Y phường N, quận Long Biên, Hà Nội.
- 10.
11. Chị Nguyễn Thị H , trú tại: Tổ Y phường N, quận Long Biên, Hà Nội.
12. Anh Đỗ Văn T , trú tại: Tổ X phường N, quận Long Biên, Hà Nội.
13. Chị Đàm Thị H3, trú tại: phường N, quận Long Biên, Hà Nội.
14. Anh Nguyễn Đình X , trú tại: Tổ G phường N, quận Long Biên, Hà Nội.
15. Chị Nguyễn Thanh H , Tổ Dân phố Đ, phường Đông Ngạc, Hà Nội.
16. UBND phường N , quận Long Biên, TP Hà Nội.

Trụ sở: số A N, quận Long Biên, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc V, Chủ tịch

(*Đều vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/7/2019, chị Đỗ Thị Hải H là chuyên viên phòng giám sát tín dụng Ngân hàng V đến UBND phường N , quận Long Biên, Hà Nội xác minh việc UBND phường N , quận Long Biên, Hà Nội chứng nhận kinh doanh cho Bùi Thị Phương L , Phạm Ngọc H , Nguyễn Thị Thùy, Nguyễn Thị Thìn, Nguyễn Thị H4 Y, Nguyễn Thị H , Đỗ Văn T , Đàm Thị H3, Nguyễn Đình X . Chị H đã đưa ra 09 bản phô tô đơn xác nhận hoạt động kinh doanh có chữ ký lãnh đạo và hình con dấu của UBND P.Ngọc Thụy. Qua kiểm tra, UBND P.Ngọc Thụy thấy 09 người trên không tiến hành đăng ký kinh doanh, nộp thuế; chữ ký và hình con dấu trên các bản photo không giống với thực tế, nghi vấn giấy tờ giả nên UBND phường N đã trình báo Công an Quận Long Biên xác minh làm rõ vụ việc.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận Long Biên xác minh làm rõ: Tháng 4/2017, Đặng Văn C vào làm tại V , vị trí nhân viên khối tín dụng tiêu thương chi nhánh Long Biên ở số 3 Nguyễn Sơn – Long Biên – Hà Nội. C được giao nhiệm vụ tìm kiếm khách hàng ở khu vực phường Ngọc Thụy – Long Biên – Hà Nội có nhu cầu vay vốn, xác định tính chính xác các hồ sơ thu thập của khách hàng, hoàn thiện hồ sơ vay vốn gửi về chi nhánh để duyệt; chỉ tiêu hàng tháng phải giải ngân số vốn cho khách hàng khoảng từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000đồng, nếu không đạt được chỉ tiêu nhiều tháng liên tiếp sẽ bị đuổi việc. Theo quy định của V , khách hàng vay vốn phải có các giấy tờ chứng minh hoạt động kinh doanh của mình như Giấy Đăng ký kinh doanh hoặc Đơn xác nhận hoạt

động kinh doanh có xác nhận của UBND phường, trường hợp khách hàng không có đăng ký kinh doanh và không nộp thuế thì sẽ không được cho vay vốn.

Do không đạt đủ chỉ tiêu tháng nên C đã nảy sinh ý định làm giả đơn xác nhận hoạt động kinh doanh cho khách hàng không có đăng ký kinh doanh để hoàn thiện hồ sơ vay vốn Ngân hàng. Để thực hiện ý định đó, tháng 6/2018 C lên mạng zalo hỏi xem có ai làm được giấy xác nhận kinh doanh có xác nhận của UBND phường N. Sau đó, C kết bạn nhắn tin với tài khoản zalo có tên “Nhất Tín” và thỏa thuận chi phí làm Đơn xác nhận hoạt động kinh doanh của UBND phường N với giá 2.000.000đ/03 đơn có hình con dấu, chữ ký của lãnh đạo UBND P.Ngọc Thụy và hện trong thời hạn 03 ngày sẽ có. C gửi mẫu đơn của Ngân hàng quy định, thông tin về địa chỉ của C qua Zalo cho tài khoản zalo “Nhất Tín”, còn phần thông tin khách hàng trong đơn C sẽ tự viết tay hoặc nhờ người khác viết vào sau (C không nhớ đã nhờ những ai viết hộ thông tin khách hàng). Khoảng 3 ngày sau, có người làm dịch vụ chuyển phát nhanh liên hệ và đến gặp giao hàng là phong bì thư cho C, C mở ra bên trong là các tờ giấy xác nhận kinh doanh (theo đúng mẫu C gửi) nhưng phần nội dung viết tay về thông tin khách hàng để trống, trên đó đã có chữ ký, hình con dấu tròn màu đỏ của UBND P.Ngọc Thụy. C đưa 2.000.000 đồng cho người giao hàng, không lưu giữ lại thông tin gì của người giao hàng. C nhận thức rõ các chữ ký lãnh đạo và hình con dấu của UBND P.Ngọc Thụy trên Đơn xác nhận hoạt động kinh doanh là giả, tuy nhiên vì chỉ tiêu công tác của mình nên C vẫn sử dụng để hoàn thiện các hồ sơ vay vốn cho khách hàng. Tổng cộng, C đã thuê người có tài khoản Zalo “Nhất Tín” làm 2 lần, mỗi lần 03 tờ tổng cộng hết 4.000.000 đồng, sử dụng 03 tờ tại các thời điểm khác nhau còn 03 tờ viết hỏng nên C loại bỏ.

Ngoài ra, C còn lên mạng Zalo kết bạn, nhắn tin với tài khoản tên “Lam giay to Sao ha” và thỏa thuận làm giấy tờ giả có xác nhận của UBND phường N với giá 1.500.000 đồng/01 đơn có hình con dấu và chữ ký của lãnh đạo UBND phường N.

Tổng cộng C mua của tài khoản “Nhất Tín” và tài khoản “Lam giay to sao ha” 09 đơn xác nhận kinh doanh, C không nhớ Đơn xác nhận mua của bên nào sử dụng cho khách hàng nào. Mỗi trường hợp làm Đơn xác nhận hoạt động kinh doanh, C báo khách hàng từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng tiền công. C nhận của chị Thìn 2.000.000 đồng tiền công còn những khách khác C không nhớ có lấy tiền hay không.

Trong tổng số 09 đơn xác nhận kinh doanh giả thì có 06 trường hợp của khách hàng tên Bùi Thị Phương L, Phạm Ngọc H, Nguyễn Thị Thùy, Nguyễn Thị Thìn, Nguyễn Thị H4 Yên, Đàm Thị H3 do trực tiếp C đứng tên nhân viên quản lý. Đối với khách hàng tên Nguyễn Thị H, C làm hộ cho đồng nghiệp tên H4 Thị H1; khách tên Đỗ Văn T, C làm hộ cho đồng nghiệp tên Bùi Thị Thu Th; còn khách hàng tên Nguyễn Đình X, C nhường chỉ tiêu (hồ sơ giấy tờ do C làm nhưng đứng tên của người khác) cho Đỗ Công C, là nhân viên thử việc mới của chi nhánh ngân hàng. Trong quá trình làm C không nói cho Hường, Thủy và Chức biết nguồn gốc, cách thức làm Đơn xác nhận kinh doanh của UBND phường N.

Quá trình điều tra, H4 Thị H1 khai: Khoảng tháng 6/2017, Hường vào làm nhân viên tại V. Tháng 4/2018 Hường chuyển về chi nhánh Long Biên. Khoảng

tháng 8/2018, do không đạt đủ chỉ tiêu tìm kiếm khách hàng vay vốn do ngân hàng đề ra nên Hoàng xin C đứng tên chỉ tiêu cho trường hợp Nguyễn Thị H4 Yên mà C đã hoàn thiện tất cả hồ sơ, chờ xét duyệt. C đồng ý cho Hoàng đứng tên hồ sơ mà không yêu cầu chi phí gì. Hoàng không tham gia tiếp xúc, xác minh hồ sơ, không nhận tiền của Nguyễn Thị H4 Yên. Đến khoảng tháng 12/2018, Hoàng đến cửa hàng và mời chị Nguyễn Thị H vay vốn ngân hàng, ngoài chứng minh thư và hộ khẩu, Chị H không có đăng ký kinh doanh nên H đã nhờ Hoàng xin hộ Đơn xác nhận hoạt động kinh doanh. Hoàng về nhờ C thì C đồng ý báo giá 1.500.000đồng. Hoàng đã chuẩn bị hồ sơ trong đó có Đơn xác nhận hoạt động kinh doanh và chuyển cho Chị H ký và báo tiền công làm với H, chị H bảo Hoàng chi trước, sau này giải ngân sẽ trả. Hoàng bỏ tiền của mình đưa cho C 1.500.000 đồng và chuyển cho C Đơn xác nhận hoạt động kinh doanh của chị H với đầy đủ thông tin và chữ ký của chị H. Khoảng 3 ngày sau, C trả lại Đơn Xác nhận hoạt động kinh doanh đứng tên chị H, có xác nhận của UBND P.Ngọc Thụy, tuy nhiên do Sổ Chứng minh nhân dân bị sai nên Hoàng đã đưa lại cho C sửa, khoảng 3 ngày sau C trả lại Đơn xác nhận hoạt động kinh doanh, trên đó đã có dấu xác nhận sửa sổ Chứng minh nhân dân. Hoàng đưa thêm 500.000 đồng cho C tiền công sửa chữa. Sau khi đủ giấy tờ, Hoàng hoàn thiện hồ sơ cho Chị H vay vốn ngân hàng số tiền 52.500.000 đồng. Khi nhận tiền, chị H trả cho Hoàng số tiền 2.000.000 đồng như thỏa thuận.

Quá trình điều tra, Bùi Thị Thu Thủy khai: Tháng 11/2018, Th vào làm nhân viên V, phòng kinh doanh khối tín dụng tiểu thương chi nhánh Long Biên. Đến tháng 6/2019, Th thay C quản lý khu vực phường Ngọc Thụy, quận Long Biên phụ trách chăm sóc, đôn đốc thu nợ các khách hàng cũ đang trả nợ (trong đó có Nguyễn Thị H4 Yên và Đàm Thị H3). Quá trình làm việc, C có giới thiệu cho Th trường hợp muốn vay vốn kinh doanh tên Đỗ Văn T. Th đã xuống trực tiếp cơ sở kinh doanh của T tại Tổ 36 Ngọc Thụy. Tại đây T đưa cho Th bản phô tô Căn cước công dân, sổ hộ khẩu và nói không có đăng ký kinh doanh, T nhờ Th xin hộ Đơn xác nhận kinh doanh của UBND P.Ngọc Thụy. Th gọi điện hỏi C, C đồng ý và yêu cầu chi phí là 1.600.000 đồng. Th báo lại cho T chi phí làm Đơn xác nhận kinh doanh là 2.000.000 đồng. T đồng ý. Th đã hoàn thiện hồ sơ gồm Đơn xác nhận hoạt động kinh doanh với đầy đủ thông tin và đem cho T ký vào các giấy tờ, nhận tiền mặt từ T, sau đó Th chuyển đơn xác nhận hoạt động kinh doanh cho C, chuyển khoản trước số tiền 1.600.000 đồng cho C. Sau khoảng 03 ngày, C chuyển tờ đơn xác nhận hoạt động kinh doanh đã có xác nhận của Lãnh đạo UBND phường Ngọc Thụy cho Th tại ngoài đường phố Nguyễn Sơn, Th không nhớ là C đưa trực tiếp hay chuyển qua người đưa hàng cho Th. Sau đó Th hoàn thiện hồ sơ và chuyển về trụ sở để làm theo quy trình giải ngân vốn vay cho T. Vì là lần đầu nên sau đó Th chuyển nốt số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) cho C để cảm ơn. Còn T đã được ngân hàng giải ngân vay vốn số tiền 150.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Đỗ Công C khai nhận: Khoảng tháng 6/2018 Chức vào làm nhân viên phòng kinh doanh khối tín dụng tiểu thương, chi nhánh Long Biên ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Do là nhân viên mới lên Hà Nội, không có quan hệ nên Chức không tìm được khách hàng, Chức xin C đứng tên chỉ tiêu cho trường

hợp Nguyễn Đình X mà C đã hoàn thiện tất cả hồ sơ, chờ xét duyệt. C đồng ý hỗ trợ, không đòi Chức chi phí gì. Thực tế Chức không tham gia tiếp xúc, xác minh không làm hồ sơ gì, không nhận tiền, quyền lợi gì của trường hợp Nguyễn Đình X nêu trên.

Tại kết luận giám định số 1604 ngày 9/6/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công An kết luận chữ viết phần nội dung trên mẫu cần giám định ký hiệu A6 so với chữ viết của Đặng Văn C trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết ra.

Người có mẫu chữ viết mang tên Đặng Văn C trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không viết ra chữ viết trên các mẫu giám định ký hiệu từ A1 đến A9 (trừ tài liệu giám định ký hiệu A6).

Tại kết luận giám định số 6789 ngày 31/12/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: hình dấu tròn trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9 so với hình dấu tròn trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Chữ ký đứng tên Nguyễn Quốc Văn trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A4 đến A7 so với chữ ký của Nguyễn Quốc Văn trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ viết phần nội dung của Đơn xác nhận hoạt động kinh doanh ký hiệu A1 so với chữ viết của Bùi Thị Thu Thủy trên mẫu so sánh ký hiệu M2 do cùng một người viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Lê Đăng Lễ trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký của Lê Đăng Lễ trên mẫu so sánh ký hiệu M1 có phải do cùng một người ký ra hay không.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Lê Thị Bích Hoài trên các mẫu cần giám định ký hiệu A8, A9 so với chữ ký của Lê Thị Bích Hoài trên mẫu so sánh ký hiệu M1 có phải do cùng một người ký ra hay không.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại Cáo trạng số: 324/CT - VKS ngày 07/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố **Đặng Văn C** về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thấy rằng: hành vi của bị cáo **Đặng Văn C** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về hình phạt đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS 2015 đối với bị cáo **Đặng Văn C**.

Đề nghị xử phạt bị cáo với mức án sau:

- Bị cáo **Đặng Văn C** từ 30 tháng đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 60 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Đề nghị tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Samsung A3 thu giữ của bị cáo C .

Về dân sự: Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng vắng mặt và cũng không có yêu cầu, vì vậy giành cho Ngân hàng quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi Ngân hàng có yêu cầu.

Nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là sai, vi phạm pháp luật. Mong HĐXX cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến gì và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Xét lời khai nhận của bị cáo **Đặng Văn C** tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu; lời khai người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm Sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian tháng 6/2018 đến tháng 7/2019, tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Long Biên, bị cáo **Đặng Văn C** đã có hành vi làm giả con dấu, tài liệu của UBND phường N , quận Long Biên (09 đơn xác nhận hoạt động kinh doanh giả con dấu, chữ ký của lãnh đạo UBND phường N - Q. Long Biên- Hà Nội) để làm thủ tục vay vốn cho khách hàng.

Hành vi của bị cáo **Đặng Văn C** đã cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo **Đặng Văn C** về tội danh nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, tổ chức và xâm phạm sự hoạt động bình thường, uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu và giấy tờ khác được bộ luật hình sự bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[4] Về tình tiết tăng nặng:

Xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ:

Xét nhân thân bị cáo Đặng Văn C tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và không thu lời nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Đặng Văn C được áp dụng thêm tình tiết: Bố vợ bị cáo là người có công với cách mạng đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương, vợ bị cáo bị căn bệnh xơ cứng rải rác (Mục số 8 – Nằm trong danh mục các bệnh hiểm nghèo theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ) hiện y học thế giới chưa có phương thức điều trị, con bị cáo còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình là tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo theo khoản 2 Điều 52 BLHS.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, hình phạt bổ sung và mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

- Về hình phạt bổ sung:

[7] Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là có căn cứ.

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

- Về xử lý vật chứng:

[8] - Cho tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Samsung A3 thu giữ của bị cáo C sử dụng vào việc thực hiện tội phạm.

- Về dân sự: Trong quá trình điều tra, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng đề nghị truy thu số tiền vay của các khách hàng Phạm Ngọc H, Nguyễn Thị Thìn, Nguyễn Thị H4 Yến, Đỗ Văn T, Nguyễn Đình X chưa thanh toán cho ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án, các cơ quan pháp luật yêu cầu phía Ngân hàng cung cấp toàn bộ tài liệu liên quan đến yêu cầu dân sự nhưng hiện ngân hàng không cung cấp tài liệu và sẽ cung cấp trong giai đoạn xét xử vụ án. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng vắng mặt và cũng không có yêu cầu, vì vậy giành cho Ngân hàng quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi Ngân hàng có yêu cầu.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về xử lý vật chứng, về dân sự là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] - Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

[10] - Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn C phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”

1. Về hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS 2015

Xử phạt: bị cáo Đặng Văn C 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo C cho phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo Cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

Cho tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Samsung A3

(Tang vật trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/11/2020)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án./.

Nơi nhận

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *TANDTP.Hà Nội;*
- *VKSNDTP.Hà Nội;*
- *Sở Tư pháp TP.Hà Nội;*
- *VKSND quận Long Biên;*
- *Công an quận Long Biên;*
- *Chi cục THA. DS quận Long Biên;*
- *Cơ quan THA.HS quận Long Biên;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu VP/TA.*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Xuân Hương